

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HS-ST

Ngày: 09/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Kế và ông Lương Đình Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Luật - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh năm 1963 tại xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Trú tại: Thôn LB, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông Vũ Văn S và bà Lều Thị H (đều đã chết); có vợ là Trần Thị M và 05 con, lớn sinh nhất năm 1984 nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú “*có mặt tại phiên tòa*”

Bị hại: - Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1966 “*vắng mặt*”

- Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1982 “*vắng mặt*”

Đều có địa chỉ: Thôn TN, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn A, sinh năm 1964; Địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã HN, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên “*có mặt*”

Người làm chứng:

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1973 “*vắng mặt*”

- Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1974 “*vắng mặt*”

- Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1987 “*vắng mặt*”

Đều có địa chỉ: Thôn P, xã PC, thành phố H, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn LB, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2017 các đối tượng Nguyễn Ngọc T, Hoàng Văn Q và Đoàn Văn D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên bắt tạm giam về hành vi đánh bạc. Do là bạn bè chơi với nhau nên anh Vũ Văn Đ (thường gọi là S), sinh năm 1974, trú tại thôn P, xã PC, thành phố H muốn nhờ người giúp cho T, Q và Đoàn Văn D được tại ngoại và hưởng án treo. Thông qua anh Nguyễn Văn Ch ở cùng thôn cho biết bị cáo Vũ Văn T quan hệ rộng, có khả năng lo chạy án cho mọi người nên anh Vũ Văn Đ được anh Ch cho số điện thoại 0965675055 của bị cáo T. Anh Vũ Văn Đ thông báo lại cho bà Bùi Thị Đ là vợ T, bà Hoàng Thị B là vợ Q và bà Lê Thị L là vợ Đoàn Văn D biết, đồng ý nhờ lo cho T, Q và Đoàn Văn D được tại ngoại hưởng án treo. Anh Vũ Văn Đ sử dụng số điện thoại của mình là 0916385090 gọi vào số điện thoại 0965675055 của bị cáo thì Vũ Văn T bảo mọi người đến nhà nói chuyện cụ thể. Tối ngày 21/02/2017, anh Vũ Văn Đ đưa bà Đ, B, L đến nhà Vũ Văn T. Tại đây, ba người nhờ bị cáo lo cho chồng được tại ngoại và hưởng án treo. Bị cáo T lấy ra một tờ giấy để ghi thông tin tên tuổi, địa chỉ của chồng các bà và hỏi thêm có ai có tiền án, tiền sự gì không. Bà B, Đ nói chồng chưa có tiền án tiền sự gì, còn bà L bảo chồng đã có tiền án rồi nên bị cáo T bảo trường hợp của chồng bà L sẽ khó xin rồi bảo mọi người cứ đi về để hỏi “sếp” xem như thế nào rồi sẽ trả lời sau. Ngày 22/02/2017, bị cáo gọi điện cho anh Vũ Văn Đ nói: “*Mày bảo nhà thằng T hết 120 triệu, còn nhà Q hết 80 triệu, nhà D có án chồng án nên không được tại ngoại và treo mà chỉ lo mức án thấp thôi với chi phí hết 50 triệu, mày bảo các bà ấy dồn tiền mang xuống để tao đưa cho các sếp*”, anh Vũ Văn Đ gọi điện thông báo cho bà Đ, B, L nội dung trên. Do chồng bà L có tiền án chỉ lo được mức án thấp nên không đồng ý nữa. Đến chiều ngày 23/02/2017 bà B, Đ đến nhà bị cáo, bà B đưa số tiền 80.000.000 đồng, bà Đ đưa số tiền 120.000.000đ. Bị cáo cầm tiền lấy tờ lịch bóc thành hai gói riêng, ghi ở ngoài “*anh Q 80 triệu*”, “*anh T 120 triệu*” rồi cho vào một túi nilon rồi bảo mọi người ra về.

Chiều ngày 24/02/2017, bị cáo gọi điện cho anh Vũ Văn Đ nói “*Tao lo cho các sếp xong rồi, mày bảo vợ thằng Q và vợ thằng T xuống nhà, tao trả lại mỗi đứa 20 triệu đồng*”. Tối cùng ngày bà B, Đ đến nhà thì bị cáo nói chỉ lo được cho Q và T tại ngoại và hưởng mức án thấp nhất chứ không được hưởng án treo, đồng thời bảo “*Sếp trả lại cho mỗi nhà 20 triệu đồng, vài ngày nữa chồng hai người sẽ được ra*”. Sau khi bị cáo đưa cho bà B, Đ mỗi người số tiền 20.000.000 đồng thì bà B tự rút ra 5.000.000 đồng đưa cho bị cáo để cảm ơn. Một thời gian sau, không thấy chồng được về bà B, Đ đến hỏi nhiều lần thì bị cáo đều bảo đợi. Sau đó anh Q, T không được tại ngoại nên bà B, Đ đòi tiền nhiều lần nhưng bị cáo nói “*Tiền đã đưa cho các sếp rồi*”, chưa lấy lại được để trả lại. Ngày 18/3/2017, bà B, Đ đã làm đơn tố cáo Vũ Văn T đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hưng Yên.

Quá trình xác minh đơn tố cáo, ngày 22/3/2017 bị cáo Vũ Văn T đã trả lại bà Đ số tiền 100 triệu đồng trả bà B số tiền 65 triệu đồng, bà B, Đ đã viết giấy biên nhận nội dung đã nhận đủ tiền của bị cáo. Ngày 21/7/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên ra Quyết định tạm dừng xác minh đơn với lý do chưa làm rõ được đối tượng Vũ Văn T khai đưa tiền để lo cho hai chồng bà B, Đ tên là A.

Ngày 27/5/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên ra Quyết định phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, ngày 27/6/2024 ra Quyết định khởi tố vụ án, ngày 23/7/2024 Quyết định khởi tố bị can và tiến hành khám xét nơi ở của Vũ Văn T tại thôn LB, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Ngày 25/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có quyết định số 06/QĐ-VKS-P3 chuyển vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Lữ điều tra theo thẩm quyền.

Về vật chứng: Ngày 23/3/2017 bị cáo Vũ Văn T giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên 01 Giấy biên nhận đề ngày 22/3/2017 giữa người giao là Vũ Văn T và người nhận là Bùi Thị Đ, được ký hiệu A1; 01 Giấy biên nhận đề ngày 22/3/2017 giữa người giao là Vũ Văn T và người nhận là Hoàng Thị B, được ký hiệu A2. Tại bản kết luận giám định số 302/KL-KTHS ngày 11/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Văn T dưới mục “Người giao” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục “Người giao” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Vũ Văn T là cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Hoàng Thị B dưới mục “Người nhận” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Hoàng Thị B là cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết đứng tên Bùi Thị Đ dưới mục “Người nhận” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Bùi Thị Đ là cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra, Vũ Văn T khai nhận quen biết với ông Ngô Văn A, sinh năm 1964, trú tại thôn Đ, xã HN, thành phố HY và được ông A giới thiệu có mối quan hệ rộng có thể lo chạy án, xin việc... cho mọi người nên bị cáo nhờ chạy tại ngoại và án treo cho T, Q với chi phí lần lượt là 120.000.000 đồng và 80.000.000 đồng. Chiều ngày 24/02/2017, bị cáo đã đưa cho Ngô Văn A số tiền 200.000.000 đồng đã nhận của bà Đ, B thì A bảo trả lại cho mỗi nhà 20 triệu đồng vì chỉ lo được cho T, Q tại ngoại và hưởng mức án thấp nhất chứ không lo được án treo, đồng thời cất lại cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng tiền hoa hồng, vài ngày nữa anh Q, T sẽ được tại ngoại, còn A cầm số tiền 130.000.000đ. Bị cáo Vũ Văn T biết Ngô Văn A làm lao động tự do, không giữ chức vụ, quyền hạn gì tại Cơ quan nhà nước nào. Tuy nhiên, Vũ Văn T vẫn nói với bà Đ, B là đã nhờ trực tiếp người có thẩm quyền để hai bà tin tưởng giao tiền.

Đối với ông Ngô Văn A khai nhận có quen biết Vũ Văn T nhưng không quan

hệ làm ăn, buôn bán gì với nhau. Ông A không cầm tiền, không yêu cầu bị cáo Vũ Văn T thu tiền để lo cho T, Q được tại ngoại và hưởng án treo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã tiến hành đối chất giữa bị cáo và ông A nhưng cả hai đều giữ nguyên lời khai của mình. Ngoài ra, không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc ông Ngô Văn A đồng phạm với bị cáo Vũ Văn T lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có căn cứ xử lý đối với ông Ngô Văn A.

Đối với anh Vũ Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ch giới thiệu bà Bùi Thị Đ, Hoàng Thị B cho Vũ Văn T để hai bên tự trao đổi chạy án, anh Đ và anh Ch không bàn bạc, TN gì với bị cáo T, không được hưởng lợi gì từ việc trên nên không có căn cứ xử lý đối với anh Vũ Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ch.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Văn T đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại bà Bùi Thị Đ, Hoàng Thị B. Bà Đ, bà B không yêu cầu, đề nghị gì và có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Việc thu giữ tài liệu, vật chứng: 02 tờ giấy biên nhận đề ngày 22/3/2017 do bị cáo Vũ Văn T giao nộp là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Vũ Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 52/CT-VKSTL ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận bản cáo trạng truy tố là đúng, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra xác định đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và có đơn miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn A phủ nhận lời khai của bị cáo Vũ Văn T cho rằng là người yêu cầu thu tổng số tiền 200.000.000đ của bị hại và cầm số tiền 130.000.000đ để lo cho anh T, Q được tại ngoại và hưởng án treo. Ông A không thừa nhận đưa số tiền 100.000.000đ cho bị cáo tại nhà anh Trần Văn H để trả lại một phần tiền không lo chạy án được.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội và tranh luận: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định. Giao bị cáo cho UBND xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được

hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét giải quyết. Miễn án hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì là người cao tuổi.

Bị cáo Vũ Văn T tự bào chữa: Nhất trí với cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ xác định phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và đề nghị HĐXX xem xét bị cáo đã cao tuổi, mắc bệnh thường xuyên phải điều trị đề giảm nhẹ một phần hình phạt cho được cải tạo tại địa phương.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Nhận tội, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Lữ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo sự việc của bị hại Hoàng Thị B, Bùi Thị Đ; kết luận giám định số 302/KL-KTHS ngày 11/9/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chữ ký, chữ viết đúng tên Vũ Văn T tại 02 tờ giấy biên nhận đề ngày 22/3/2017 nội dung giao trả tiền cho bà Đ, Bấy là do bị cáo viết, ký; vật chứng đã thu giữ; lời khai của bị hại; lời khai người làm chứng và bằng chính lời khai nhận của bị cáo. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 23/02/2017, tại nhà Vũ Văn T ở thôn LB, xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên bị cáo đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng xin cho Nguyễn Ngọc T và Hoàng Văn Q đang bị khởi tố, tạm giam về tội đánh bạc được tại ngoại và hưởng án treo để chiếm đoạt của bà Hoàng Thị B là vợ Q số tiền 80.000.000đ và của bà Bùi Thị Đ là vợ T số tiền 120.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 200.000.000đ. Bị cáo làm ruộng, không giữ chức

vụ quyền hạn gì tại cơ quan nhà nước nào nhưng vẫn đưa ra thông tin gian dối đã nhờ trực tiếp người có thẩm quyền lo cho chồng hai bà Đ, B được tại ngoại và hưởng án treo để hai bà tin tưởng giao tiền. Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an ninh ở địa phương, gây tâm lý hoài nghi, trong quần chúng nhân dân đối với uy tín của cơ quan bảo vệ pháp luật. Bị cáo là người có đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng đã lợi dụng lòng tin của bị hại đưa thông tin gian dối để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000đ. Do vậy, cần xét xử nghiêm, có mức hình phạt thích đáng tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo gây ra.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa vi phạm pháp luật lần nào. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng việc trả lại cho bị hại toàn bộ số tiền 200.000.000đ; bị cáo có bố đẻ là Vũ Văn S có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng Huân, huy chương; bị hại có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự; có đơn đề nghị là người cao tuổi sức khỏe yếu, mắc bệnh tiểu đường nguy cơ biến chứng được chính quyền địa phương xác nhận nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên tòa cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4.1]. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn A trình bày có quen biết bị cáo Vũ Văn T nhưng không quan hệ làm ăn, buôn bán gì với nhau. Ông A không cầm tiền, không yêu cầu bị cáo thu tiền để lo cho T, Q được tại ngoại và hưởng án treo. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã tiến hành đối chất giữa bị cáo và ông A nhưng cả hai đều giữ nguyên lời khai của

mình. Ngoài ra, không có tài liệu chứng cứ xác đáng nào chứng minh việc ông Ngô Văn A đồng phạm với bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên HĐX không có căn cứ xem xét xử lý đối với ông Ngô Văn A.

[4.2]. Đối với anh Vũ Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ch giới thiệu bà Bùi Thị Đ, Hoàng Thị B cho Vũ Văn T để hai bên tự trao đổi chạy án; không bàn bạc gì với bị cáo, không được hưởng lợi gì nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với anh Vũ Văn Đ và anh Nguyễn Văn Ch là đúng quy định.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm ruộng, thu nhập thấp, là người cao tuổi, không đảm nhiệm chức vụ, hành nghề liên quan đến hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Bị hại bà Hoàng Thị B, Bùi Thị Đ đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với 02 tờ giấy biên nhận đề ngày 22/3/2017 là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu trong hồ sơ vụ án.

[7]. Về án phí: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí. Do bị cáo là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được HĐXX miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Luận tội và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T 03 năm tù (*ba năm tù*) cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm (*năm năm*) được tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND xã TS, huyện TL, tỉnh Hưng Yên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành

án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Miễn áp phí sơ thẩm hình sự cho bị cáo vì là người cao tuổi.

Án xử công khai có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; vắng mặt bị hại. Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND huyện Tiên Lữ
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ
- CA huyện Tiên Lữ
- CA Trại tạm giam
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Lưu: Hồ sơ vụ án, THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang